TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 11-6-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Châu;

Ông Nguyễn Phước Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Đỉnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025, về việc: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 16/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 04/2025/QĐ-SCBSBA ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2025/QĐXXPT-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm Minh T (4 Mắt K), sinh năm 1978

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ A, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: số 120/3 hẻm L, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Anh T1, sinh năm 1995

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ A, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ G, ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lâm Minh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

** Nguyên đơn ông Lâm Minh T trình bày*: Ông và bà T1 tự tìm hiểu, quen biết nhau và tổ chức lễ cưới vào năm 2015, đến năm 2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130 ngày 13/9/2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn tình cảm nên ông yêu cầu ly hôn với bà T1.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà T1 có 02 con chung tên Lâm Cát Thiên K, sinh ngày 25/01/2019 và Lâm Mai Thiên K1, sinh ngày 29/7/2022, hiện các con đang sống cùng bà T1. Ông yêu cầu được nuôi con chung Lâm Cát Thiên K, đồng ý giao con chung Lâm Mai Thiên K1 cho bà T1 nuôi dạy. Các bên không cấp dưỡng qua lại nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

** Theo bản tự khai của bị đơn Nguyễn Thị Anh T1 trình bày:* Bà và ông T tự tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. Cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, tính tình không phù hợp. Tình cảm vợ chồng không còn, không còn sống chung với nhau nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà T1 và ông T có 02 con chung tên Lâm Cát Thiên K, sinh ngày 25/01/2019 và Lâm Mai Thiên K1, sinh ngày 29/7/2022, hiện các con đang sống cùng bà T1. Bà T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Không đồng ý giao con chung Lâm Cát Thiên K cho ông T nuôi dạy từ khi còn nhỏ bà T1 đã trực tiếp nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 16/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 04/2025/QĐ-SCBSBA ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Minh T

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Minh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Anh T1.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Anh T1 được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Lâm Cát Thiên K, sinh ngày 25/01/2019 và Lâm Mai Thiên K1, sinh ngày 29/7/2022. Ông Lâm Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Anh T1 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lâm Minh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà T1 thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 26/3/2025, ông Lâm Minh T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 16/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, chấp nhận kháng cáo giao 02 con chung Lâm Cát Thiên K, sinh ngày 25/01/2019 và Lâm Mai Thiên K1, sinh ngày 29/7/2022 cho ông T nuôi dưỡng, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con.

* Tại phiên tòa:

+ Ông Lâm Minh T xác định ông chỉ kháng cáo đối với nuôi dưỡng con chung, ông không đồng ý giao cả 02 con chung cho bà T1 nuôi dưỡng mà đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông được nuôi dưỡng cháu Lâm Cát Thiên K, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với hôn nhân, về tài sản chung và về nợ chung ông thống nhất với bản án sơ thẩm không kháng cáo.

+ Bà Nguyễn Thị Anh T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 06/6/2025.

***** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lâm Minh T, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 16/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Lâm Minh T kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới;

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 06/6/2025, yêu cầu xét xử vắng mặt của bà T1 phù hợp theo quy định nên Hội đồng xét xử phúc căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T1.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Minh T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Giữa ông Lâm Minh T, bà Nguyễn Thị Anh T1 thống nhất về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, ông T và bà T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang theo Giấy kết hôn số 130 ngày 13/9/2018. Thời gian phát sinh mâu thuẫn, các bên không thể hàn gắn mâu thuẫn, cả ông T, bà T1 đều thống nhất đề nghị giải quyết cho ly hôn.

[2.2] Về tài sản chung ông T, bà T1 đều thống nhất không có cũng như không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ông T, bà T1 đều trình bày và thống nhất không có nợ chung cũng như không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Đối với nội dung về quan hệ hôn nhân, về tài sản chung và về nợ chung các đương sự thống nhất không có kháng cáo nên đối với hôn nhân, về tài sản chung và về nợ chung có hiệu lực Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[3] Về con chung: Ông T và bà T1 thống nhất trình bày có 02 con chung tên Lâm Cát Thiên K, sinh ngày 25/01/2019 và Lâm Mai Thiên K1, sinh ngày 29/7/2022, hiện sống cùng với gia đình của bà T1

[3.1] Cả ông T và bà T1 đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Thiên K sau khi ly hôn và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Riêng, cháu Thiên K1 thì ông T thống nhất giao cho bà T1 nuôi dưỡng.

[3.2] Các đương sự không thống nhất được việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung, tại phiên tòa phúc thẩm ông T xác định từ trước đến khi phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 12/2024, bà T1 đem con về gia đình cha mẹ sinh sống thì người trực tiếp lo các chi phí sinh hoạt từ trước đến nay là bà T1. Ông T cũng xác định bà T1 và gia đình cụ thể do mẹ bà T1 trực tiếp chăm sóc các con của ông T, bà Thư T2 nhỏ. Mặc dù, bà T1 không trực tiếp chăm sóc các con chung nhưng bà T1 đi làm có gửi tiền về cho mẹ ruột nuôi con. Ông T hiện đang sống cùng nhà với dì, anh trai, em trai và em dâu, không có nơi ở khác. Từ khi bà T1 cùng các con về nhà cha mẹ ruột bà Thư sinh S, ông T không đến thăm nom, chăm sóc con chung

cũng như không có cấp dưỡng nuôi các con chung. Gia đình của ông T đến thăm cũng như rước cháu Thiên K về nhà ông T chơi thì cũng được bà T1 và gia đình cho phép tạo điều kiện, không ngăn cản. Ông T chỉ điện thoại hỏi thăm không trực tiếp đến để thăm nom, chăm sóc con chung.

[3.3] Cấp sơ thẩm đã xem xét về quyền lợi về mọi mặt của cháu Thiên K và cháu K1, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông T cũng xác nhận các cháu sống với bà T1, được bà T1 và bà ngoại chăm sóc từ trước đến nay phát triển rất tốt. Đồng thời, cháu Thiên K là bé gái chỉ mới 05 tuổi, cháu còn rất nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc từ người mẹ nên đối với yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn của bà T1 phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét chấp nhận đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà T1 là phù hợp theo quy định, việc ông T kháng cáo yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thiên K là không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[3.4] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định, tuy nhiên bà T1 xác định không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Minh T là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó yêu cầu kháng cáo của ông T là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do, yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Minh T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Minh T yêu cầu bà Nguyễn Thị Anh T1 giao 02 con chung Lâm Cát Thiên K, sinh ngày 25/01/2019 và Lâm Mai Thiên K1, sinh ngày 29/7/2022 cho ông T nuôi dưỡng, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con

- Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 16/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 04/2025/QĐ-SCBSBA ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Minh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Anh T1.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Anh T1 được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Lâm Cát Thiên K, sinh ngày 25/01/2019 và Lâm Mai Thiên K1, sinh ngày 29/7/2022. Ông Lâm Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Anh T1 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lâm Minh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lâm Minh T với bà Nguyễn Thị Anh T1 thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm:

Ông Lâm Minh T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0006084 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; ông T đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Anh T1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4.2. Án phí phúc thẩm: Ông Lâm Minh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006257 ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Ông T đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Tp.Châu Đốc;
- Chi cục THA-DS Tp.Châu Đốc;
- Phòng TTKT & THA;
- UBND phường Châu Phú B;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Ngọc Thúy